

Số: *A7*/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Thành lập Đoàn giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVII – KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 94/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Chương trình giám sát năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết 96/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của HĐND khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 – 2021;

Xét Tờ trình số 03/TTr-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-VHXH ngày 08 tháng 7 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018, gồm các ông, bà có tên sau:

1. Ông Thảo Hồng Sơn, Chủ tịch HĐND tỉnh: Trưởng đoàn giám sát.
2. Bà Chung Thị Chiên, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh: Phó Trưởng đoàn.
3. Ông Hoàng Văn Vịnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh: Phó Trưởng đoàn.
4. Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban HĐND tỉnh: Thành viên.
5. Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng HĐND tỉnh: Thành viên.
6. Mời tham gia thành viên Đoàn giám sát:

- Đại diện Ban Thường trực UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Giang (*khi Đoàn giám sát các sở, ngành cấp tỉnh*).

- Các đại biểu HĐND tỉnh đang công tác trên địa bàn huyện Mèo Vạc và thành phố Hà Giang.

- Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Mèo Vạc và thành phố Hà Giang.

* Kế hoạch, Đề cương giám sát được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Trường đoàn Giám sát chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch giám sát; Báo cáo kết quả giám sát theo đúng quy định tại Điều 62 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

3. Cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát có trách nhiệm báo cáo các nội dung có liên quan về kết quả thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 theo chức năng, nhiệm vụ của mình; phối hợp và cung cấp các số liệu có liên quan theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

4. Văn phòng HĐND tỉnh có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện để tổ chức thực hiện giám sát theo Nghị quyết này.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Thường trực HĐND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khoá XVII, Kỳ họp thứ Bảy thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2018. *2018*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu, UBTVQH;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các Sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- LĐ VP Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND; UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND (1b). *A*

CHỦ TỊCH

Thào Hồng Sơn

KẾ HOẠCH

**Giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017
của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
quốc phòng - an ninh năm 2018**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 17/NQ-HĐND, ngày 10/7/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Nhằm đánh giá việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 98/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang. Qua giám sát đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, để có cơ sở đề xuất với HĐND tỉnh quyết định chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Yêu cầu:

a) Việc tổ chức hoạt động giám sát phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan, trung thực, đúng quy định của pháp luật; phản ánh chính xác những mặt tích cực và chỉ rõ những tồn tại, hạn chế để có kết luận và kiến nghị phù hợp.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giám sát thực hiện nghiêm túc kế hoạch giám sát; báo cáo đầy đủ theo đề cương và cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Đoàn giám sát; bố trí địa điểm và phân công cán bộ có trách nhiệm tham gia làm việc với Đoàn giám sát; thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau giám sát.

II. NỘI DUNG GIÁM SÁT

Giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 (có Đề cương hướng dẫn viết báo cáo kèm theo).

III. ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

1. Tại cấp tỉnh:

a) Giám sát trực tiếp tại các sở, ngành: Kế hoạch và đầu tư; Tài chính; Thuế; Hải quan; Nông nghiệp và PTNT; Công thương; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa thể thao và Du lịch; Y tế; Lao động TB&XH; Công an tỉnh; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

b) Giám sát qua báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành khác còn lại của cấp tỉnh.

2. Tại cấp huyện:

- a) Khảo sát trực tiếp UBND huyện Mèo Vạc và thành phố Hà Giang.
- b) Giám sát qua báo cáo đối với các huyện, gồm: Vị Xuyên, Quang Bình, Bắc Quang, Bắc Mê, Hoàng Su Phì, Yên Minh, Đông Văn, Quán Bạ, Xín Mần.

3. Tại cấp xã: Đoàn tiến hành khảo sát thực tế tại 02 xã của huyện Mèo Vạc và thành phố Hà Giang (Do UBND huyện, thành phố lựa chọn).

IV. THÀNH PHẦN ĐOÀN GIÁM SÁT (Đoàn giám sát chia làm 03 tổ công tác)

1. Tổ công tác số 1: Giám sát tại Sở Kế hoạch và đầu tư; Cục Thuế; Cục Hải quan; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài chính; Sở Công Thương

2. Tổ công tác số 2: Khảo sát tại thành phố Hà Giang và giám sát tại Công an tỉnh; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

3. Tổ công tác số 3: Khảo sát tại huyện Mèo Vạc và giám sát tại Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Sở Lao động TBXH.

Giao cho Thường trực HĐND tỉnh, phân công cụ thể các thành viên tham gia các Tổ công tác.

V. THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

1. Phương pháp tiến hành:

a) Đối với các đơn vị giám sát trực tiếp:

- Các sở, ngành cấp tỉnh: Đoàn giám sát làm việc trực tiếp với Thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo các phòng, ban có liên quan của đơn vị.

- Đối với huyện Mèo Vạc và thành phố Hà Giang, Đoàn sẽ tiến hành theo các bước sau:

+ Trước khi làm việc với UBND huyện, Đoàn sẽ tiến hành khảo sát trực tiếp tại 02 đơn vị xã, nghe UBND xã báo cáo kết hợp với kiểm tra thực tế (thành phần làm việc với đoàn tại UBND xã do xã mời).

+ Sau khảo sát tại xã Đoàn giám sát tiến hành làm việc với UBND huyện để nghe và xem xét báo cáo của UBND huyện (thành phần của huyện tham gia làm việc với Đoàn do UBND huyện mời).

b) Đối với UBND tỉnh; các sở, ngành khác còn lại của cấp tỉnh (không giám sát trực tiếp) và UBND các huyện (Vị Xuyên, Quang Bình, Bắc Quang, Bắc Mê, Hoàng Su Phì, Yên Minh, Đông Văn, Quán Bạ, Xín Mần): Yêu cầu các đơn vị xây dựng báo cáo theo đề cương gửi kèm Nghị quyết này.

c) Kết thúc đợt giám sát đoàn sẽ có kết luận bằng văn bản gửi đến đơn vị được giám sát và các đơn vị có liên quan.

2. Thời gian thực hiện:

a) **Thời gian giám sát:** Từ ngày 01/11 đến ngày 20/11/2018 (thời gian cụ thể giao cho Thường trực HĐND tỉnh thông báo sau).

b) **Thời gian xây dựng báo cáo:**

- Thời điểm lấy số liệu để xây dựng báo cáo tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/10/2018, ước thực hiện cả năm 2018, so sánh với năm 2017 và kế hoạch năm 2017 do HĐND giao (*cấp xã so sánh với Nghị quyết của HĐND xã; cấp huyện so sánh với Nghị quyết của HĐND huyện; cấp tỉnh so sánh với Nghị quyết của HĐND tỉnh*).

c) Thời gian gửi báo cáo:

+ Đối với các sở, ngành cấp tỉnh; huyện Mèo Vạc, thành phố Hà Giang và các xã nơi Đoàn đến khảo sát yêu cầu gửi Báo cáo về Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất trước ngày 25/10/2018.

+ Đối với các huyện còn lại (*không khảo sát trực tiếp*) yêu cầu UBND các huyện tổng hợp báo cáo gửi về Thường trực HĐND tỉnh trước ngày 30/10/2018.

+ Đối với UBND tỉnh: đề nghị gửi báo cáo về Thường trực HĐND tỉnh trước ngày 30/10/2018.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành viên đoàn giám sát có trách nhiệm chủ động nghiên cứu báo cáo của các đơn vị chịu giám sát, các văn bản có liên quan đến nội dung giám sát và tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động đoàn giám sát theo quy định.

2. Các đơn vị chịu giám sát có trách nhiệm gửi báo cáo (*bằng văn bản và gửi 01 file qua hộp thư điện tử theo địa chỉ mail vphdnd@hagiang.gov.vn*) theo các nội dung giám sát được nêu tại đề cương ban hành kèm theo Kế hoạch; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình những nội dung mà đoàn giám sát quan tâm. Đối với các đơn vị đoàn khảo sát trực tiếp đề nghị bố trí thời gian, địa điểm và các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động giám sát.

3. UBND huyện Mèo Vạc và thành phố Hà Giang nơi Đoàn khảo sát trực tiếp đề nghị triển khai kế hoạch này (*kèm theo đề cương*) đến UBND các xã và chỉ đạo báo cáo bằng văn bản theo đề cương của Đoàn giám sát. / *ts*

CHỦ TỊCH



Thảo Hồng Sơn

ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-HĐND,
ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
quốc phòng - an ninh năm 2018
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ-HĐND, ngày 10/7/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Đánh giá về những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội năm 2018.

2. Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm 2018; việc ban hành các văn bản để hướng dẫn triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2018?

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tình hình, kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu: (so sánh kết quả đạt được so với năm 2017)

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP).
- Cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng; nông, lâm nghiệp - thủy sản.
- Tổng sản phẩm bình quân đầu người.
- Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn.
- Tổng sản lượng lương thực.
- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo.
- Tỷ lệ huy động trẻ 06 tuổi vào lớp 1.
- Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo cân nặng.
- Tỷ lệ hộ nghèo.
- Tạo việc làm mới trong năm.

- Tỷ lệ che phủ rừng; số xã đạt tiêu chí nông thôn mới.

2. Tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu trên từng lĩnh vực
(Báo cáo cần đánh giá làm rõ kết quả đạt được, chưa đạt được so sánh kết quả đạt được so với năm 2017):

- Kết quả thực hiện trong lĩnh vực kinh tế: phát triển nông lâm nghiệp, kinh tế nông thôn, công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch và tài chính, tín dụng.

- Kết quả tái cơ cấu kinh tế, huy động nguồn lực đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Kết quả thực hiện các chương trình, đề án của tỉnh.

- Kết quả thực hiện về phát triển văn hóa xã hội và đảm bảo an sinh xã hội.

- Kết quả thực hiện mạnh mẽ cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, các chính sách dân tộc, tôn giáo.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế.

III. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Những khó khăn, tồn tại trong thực hiện

- Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

- Nguồn lực (con người, điều kiện vật chất...) phục vụ công việc.

2. Nguyên nhân và giải pháp tiếp tục thực hiện đến hết năm 2018 để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giao.

3. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quốc phòng - an ninh năm 2018.

- Mục tiêu tổng quát.

- Các chỉ tiêu chủ yếu.

- Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Lưu ý: Đề cương giám sát chỉ mang tính định hướng, ngoài những vấn đề mà đề cương đã đề cập, đơn vị chịu giám sát có thể bổ sung vào báo cáo của từng đơn vị mình các thông tin liên quan đến nội dung giám sát.

Ngoài chuẩn bị báo cáo theo đề cương hướng dẫn, các đơn vị cần chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu có liên quan nêu trong báo cáo để phục vụ công tác giám sát, khảo sát.



Thào Hồng Sơn

PHỤ LỤC

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ-HĐND, ngày 10/7/2018

của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện	So sánh (%)	Dự kiến kế hoạch 2019	So sánh dự kiến 2018 với ước kết quả thực hiện 2018 (%)
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân	%						
2	Cơ cấu ngành kinh tế	%						
-	Nông, lâm nghiệp - Thủy sản	%						
-	Công nghiệp - Xây dựng	%						
-	Thương mại - Dịch vụ	%						
3	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng						
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng						
5	Tổng sản phẩm bình quân đầu người	Tr.đồng						
6	Tổng sản lượng lương thực	Vạn tấn						
7	Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân/ha đất trồng cây hàng năm	Tr.đồng						
8	Tỷ lệ che phủ rừng	%						
9	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới trong năm	Xã						
10	Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí nông thôn mới	Xã						
11	Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí nông thôn mới	Xã						
12	Số xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí nông thôn mới	Xã						
13	Tỷ lệ thôn, bản có đường đi được xe cơ giới	%						
14	Tỷ lệ đô thị hóa	%						

15	Tỷ trọng chăn nuôi trong ngành công nghiệp	%							
16	Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế)	Tỷ đồng							
17	Tổng giá trị hàng hóa xuất - nhập khẩu qua cửa khẩu	Triệu USD							
18	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	%							
19	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%							
20	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%							
21	Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế	%							
22	Bình quân Bác sĩ/1 vạn dân	Bác sĩ/1 vạn dân							
23	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh	%							
24	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%							
25	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%							
26	Xử lý chất thải y tế	%							
27	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn (theo cân nặng)	%							
28	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin	%							
29	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo	%							
30	Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%							
31	Tỷ lệ học sinh 6 - 14 tuổi đến trường	%							
32	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%							
33	Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT (phổ thông và bổ túc)	%							
34	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người							
35	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%							

36	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%						
37	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm	%						
38	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện	%						
39	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%						
40	Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng	%						
41	Tăng trưởng tín dụng hàng năm	%						
42	Thu hút khách du lịch	Triệu lượt người						
43	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%						
44	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận tiêu chí văn hóa	%						
45	Xây dựng Làng văn hóa Du lịch tiêu biểu gắn với xây dựng nông thôn mới	Làng						
46	Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	%						